

Số: 1295/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 23 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1756 /QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 226/TTr-STNMT ngày 06 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật thủ tục hành chính vào Cổng Dịch vụ công quốc gia và niêm yết, công khai tại Trung tâm Hành chính công.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Quy trình nội bộ điện tử đối với thủ tục hành chính mới ban hành; phối hợp với Viễn thông Đắk Nông cập nhật, sửa đổi Quy trình nội bộ điện tử thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công tỉnh; công khai thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử.



Giao UBND cấp huyện, UBND cấp xã niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Viện thông Đăk Nông;
- Lưu: VT, TTHCC, NCKSTT.

2



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Chiến
Lê Văn Chiến



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BÀI BỎ LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1295/QĐ-UBND** ngày **23** tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH						
1	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>* <i>Hồ sơ đề nghị kiểm tra để vận hành thử nghiệm</i></p> <p>- 01 văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;</p> <p>- 01 bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>- Chủ dự án lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án đến Trung tâm Hành chính công trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường).</p> <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ và thông báo kết quả kiểm tra để vận hành thử nghiệm:</p> <p>- Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiến</p>	Không quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>tác động môi trường của dự án;</p> <p>- 01 bản sao các hồ sơ quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.</p> <p><i>* Hồ sơ để nghị thông báo kết quả vận hành thử nghiệm</i></p> <p>- 01 Bảng tổng hợp, đánh giá các số liệu quan trắc chất thải (theo 03 bảng quy định tại Mục 2.1.4 Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ),</p>	<p>hành kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án.</p> <p>- Trường hợp các công trình xử lý chất thải của dự án đáp ứng yêu cầu, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phải có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm; trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì buộc chủ dự án phải hoàn thành trước khi vận hành thử nghiệm.</p> <p>- Chi cục Bảo vệ môi trường chủ trì, phối hợp với chủ dự án để kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án trong trường hợp cần thiết.</p> <p>Bước 3. Thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc vận hành thử nghiệm, Chi cục Bảo vệ</p>		<p>thi hành Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		kèm theo phiếu kết quả phân tích mẫu chất thải của dự án trong quá trình vận hành thử nghiệm (thực hiện trong giai đoạn vận hành thử nghiệm) 2. Số lượng: 01 bộ.	môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, làm căn cứ để chủ dự án lập báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án theo quy định. Căn cứ ra văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án dựa trên: văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm; bảng tổng hợp, đánh giá các số liệu quan trắc chất thải (theo 03 bảng quy định tại Mục 2.1.4 Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ), kèm theo phiếu kết quả phân tích mẫu chất thải được chủ dự án gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường) trong quá trình vận hành thử nghiệm và kết quả đo đạc, phân			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>tích mẫu chất thải đối chứng của Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm.</p> <p>Bước 4. Trả kết quả:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án đến Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời gian giải quyết:</p> <p><i>* Thời hạn kiểm tra để vận hành thử nghiệm: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i></p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 9,5 ngày. <p>* Thời hạn thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; 			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>- Số Tài nguyên và Môi trường: 4,5 ngày.</p> <p>3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</p> <p>- Đã hoàn thành các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);</p> <p>- Đã lắp đặt hoàn thành các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải, khí thải theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Có quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;</p> <p>- Có hồ sơ hoàn công trình xử lý chất thải đã được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công trình xử lý chất thải.</p>	Chưa quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm	
2	Cấp Giấy phép trao	1. Thành phần hồ sơ:	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ:			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin cấp Giấy phép Trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ); - Giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật; - Văn bản thỏa thuận về trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài được ưu tiên bảo vệ; - Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân 	<p>Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện việc trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ nộp hồ sơ đến Trung tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường).</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho Tổ chức/cá nhân về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. <p>Bước 3. Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung, mục đích, hình thức của việc trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ; 		<p>2008;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. 	

TT	Tên chủ tịch hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hợp lệ. 2. Số lượng: không quy định.</p>	<p>- Các loại giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật; Văn bản thỏa thuận về trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài được ưu tiên bảo vệ; Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân hợp lệ. Bước 4: Quyết định việc cấp phép Trên cơ sở kết quả thẩm định, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ. Trường hợp không cấp thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 5. Trả kết quả: UBND tỉnh chuyên kết quả thực hiện đến Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học 	<p>1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học nộp hồ sơ đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường). Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; 	
3	<p>Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo mẫu Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ 	<p>1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học nộp hồ sơ đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường). Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo mẫu Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Giấy tờ chứng minh có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Đa dạng sinh học năm 2008.</p> <p>2. Số lượng: Không quy định</p>	<p>- Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho Tổ chức/cá nhân về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.</p> <p>Bước 3. Thẩm định hồ sơ</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định cấp phép. Nội dung thẩm định bao gồm:</p> <p>- Việc đáp ứng các điều kiện, nội dung quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</p> <p>- Tính đầy đủ và chính xác của thông tin trong hồ sơ đề nghị được quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</p> <p>- Đánh giá năng lực quản lý của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học sau khi được cấp phép.</p> <p>Bước 4: Quyết định việc cấp phép</p>		<p>- Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Trường hợp không cấp thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5. Trả kết quả:</p> <p>UBND tỉnh chuyên kết quả thực hiện đến Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - UBND tỉnh: 05 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 54,5 ngày. <p>3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích đất, chuồng trại, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu về nuôi, trồng, nuôi sinh sản loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; cứu hộ loài hoang dã; lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền; 			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Cán bộ Kỹ thuật có chuyên môn phụ hợp; - Năng lực tài chính, quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại	<p>1. Thành phần hồ sơ: * <i>Hồ sơ đề nghị thẩm định:</i> - 01 Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu số 05 phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ; - 07 bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được đóng thành quyển theo mẫu quy định; Trường hợp số lượng thành viên</p>	<p>1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ: Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường qua Công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường). Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: - Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án.</p>	<p>Mức thu phí căn cứ theo: - Khoản 5 Điều 20 Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 - Điều 6 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch Bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch Bảo vệ môi trường. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định</p>	<p>* Các dự án thẩm định thông qua việc lấy ý kiến gồm: - Các dự án đầu tư trong khu công nghiệp mà các khu công nghiệp đó đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đã thành các thủ tục về môi trường tương đương, đã hoàn thiện</p>
---	--	--	---	--	--	--

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>Hội đồng thẩm định nhiều hơn 07 người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- 01 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương.</p> <p>* Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng/lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia:</p> <p>- 01 Văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường</p>	<p>Bước 3. Thẩm định hồ sơ</p> <p>* Thẩm định hồ sơ sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ</p> <p>- Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua Hội đồng thẩm định hoặc thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>- Trong quá trình thẩm định (trong trường hợp cần thiết), Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành các hoạt động: kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia liên quan; tổ chức họp chuyên gia theo chuyên đề.</p> <p>- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho chủ dự án.</p> <p>* Thẩm định hồ sơ sau khi họp hội đồng/lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia</p>	<p>Cụ thể:</p> <p>* Nhóm 1. Là các dự án công trình dân dụng:</p> <p>Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng: mức thu phí 8 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức thu phí 12,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 20 đến 50 tỷ đồng: mức thu phí 21 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 50 đến 100 tỷ đồng: mức thu phí 37,5 triệu đồng;</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 đến 200 tỷ đồng: mức thu phí 41,5 triệu đồng;</p> <p>Tổng vốn đầu tư</p>	<p>Chỉ tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân</p>	<p>Kết cấu hạ tầng xử lý nước thải và được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhóm ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, trừ các dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;</p> <p>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyền gây cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kê cả phụ lục với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại khoản 13 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP kèm theo 01 đĩa CD trong đó chứa 01 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo</p>	<p>Trình tự thực hiện;</p> <p>Thời gian giải quyết</p> <p>- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án (trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định) phải hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan thường trực thẩm định có trách nhiệm tiếp tục thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>Bước 4. Phê duyệt</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt báo cáo</p>	<p>trên 200 đến 500 tỷ đồng; mức thu phí 54 triệu đồng;</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 đến 1.000 tỷ đồng: mức thu phí 61 triệu đồng;</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đồng: mức thu phí 65 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.500 đến 2.000 tỷ đồng: mức thu phí 67 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 2.000 đến 3.000 tỷ đồng: mức thu phí 70 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 3.000 đến 5.000 tỷ đồng: mức thu phí 72,5 triệu</p>	<p>tỉnh Đắk Nông Ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.</p>	<p>hành Kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;</p> <p>- Các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Điều 15 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;</p> <p>- Các dự án áp dụng phương pháp kỹ thuật tốt nhất hiện có và kinh nghiệm quản lý môi trường tốt nhất theo quy định của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		<p>cáo và 01 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>đánh giá tác động môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5. Trả kết quả:</p> <p>- UBND tỉnh chuyển quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho chủ dự án; Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi thực hiện dự án; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với dự án thực hiện trong khu công nghiệp.</p> <p><i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Qua cổng dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>2. Thời gian giải quyết:</p> <p>* <i>Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</i></p> <p>* <i>Tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động</i></p>	<p>đồng.</p> <p>* Nhóm 2. Là các dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông): Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng: mức thu phí 8,6 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức thu phí 13 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 20 đến 50 tỷ đồng: mức thu phí 22 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 50 đến 100 tỷ đồng: mức thu phí 38 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 100 đến 200 tỷ đồng: mức thu phí 42 triệu đồng; Tổng vốn</p>		<p>Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II và loại hình thuộc phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;</i> - <i>UBND tỉnh: 4,5 ngày;</i> - <i>Sở Tài nguyên và Môi trường: 25 ngày;</i> <p>*Tối đa là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II nhưng loại hình không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;</i> - <i>UBND tỉnh: 4 ngày;</i> - <i>Sở Tài nguyên và Môi trường: 20,5 ngày;</i> <p>+ Tối đa là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ</p>	<p>đầu tư trên 200 đến 500 tỷ đồng: mức thu phí 55 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 500 đến 1.000 tỷ đồng: mức thu phí 62 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.000 đến 1.500 tỷ đồng: mức thu phí 67 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.500 đến 2.000 tỷ đồng: mức thu phí 68 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 2.000 đến 3.000 tỷ đồng: mức thu phí 71 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 3.000 đến 5.000 tỷ đồng: mức thu 74 triệu đồng.</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 19,5 ngày. <p><i>Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường phải chỉnh sửa, bổ sung, trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định (thời gian hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường không tính vào thời gian thẩm định)</i></p> <p>*Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 20 ngày làm việc: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;</p>	<p>* Nhóm 3: Là các dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi: Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng: mức thu phí 8,8 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức thu phí 13,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 20 đến 50 tỷ đồng: mức thu phí 22,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 50 đến 100 tỷ đồng: mức thu phí 39 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 100 đến 200 tỷ đồng: mức thu phí 43 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- UBND tỉnh: 5 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 14,5 ngày.	200 đến 500 tỷ đồng: mức thu phí 56 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 500 đến 1.000 tỷ đồng: mức thu phí 63,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.000 đến 1.500 tỷ đồng: mức thu phí 68,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.500 đến 2.000 tỷ đồng: mức thu phí 70 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 2.000 đến 3.000 tỷ đồng: mức thu phí 73 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 3.000 đến 5.000 tỷ đồng: mức thu phí 76 triệu		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>đồng.</p> <p>* Nhóm 4: Là các dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng: mức thu phí 9,2 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức thu phí 14 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 20 đến 50 tỷ đồng: mức thu phí 23 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 50 đến 100 tỷ đồng: mức thu phí 41 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 100 đến 200 tỷ đồng: mức thu phí 45 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 200 đến 500 tỷ đồng:</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>mức thu phí 59 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 500 đến 1.000 tỷ đồng: mức thu phí 66 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.000 đến 1.500 tỷ đồng: mức thu phí 72 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.500 đến 2.000 tỷ đồng: mức thu phí 73,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 2.000 đến 3.000 tỷ đồng: mức thu phí 76 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 3.000 đến 5.000 tỷ đồng: mức thu phí 79 triệu đồng.</p> <p>* Nhóm 5: Lãi</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>các dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng: mức thu phí 9,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức thu phí 15 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 20 đến 50 tỷ đồng: mức thu phí 24 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 50 đến 100 tỷ đồng: mức thu phí 43 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 100 đến 200 tỷ đồng: mức thu phí 47 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 200 đến 500 tỷ đồng: mức thu phí 62 triệu đồng; Tổng</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p> vốn đầu tư trên 500 đến 1.000 tỷ đồng; mức thu phí 69 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.000 đến 1.500 tỷ đồng; mức thu phí 75 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.500 đến 2.000 tỷ đồng; mức thu phí 76,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 2.000 đến 3.000 tỷ đồng; mức thu phí 79 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 3.000 đến 5.000 tỷ đồng; mức thu phí 82 triệu đồng. * Nhóm 6: Là các dự án xử lý chất thải, cải </p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>thiên môi trường và các dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên): Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng: mức thu phí 6 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức thu phí 9 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 20 đến 50 tỷ đồng: mức thu phí 15 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 50 đến 100 tỷ đồng: mức thu phí 27 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 100 đến 200 tỷ đồng: mức thu phí 30 triệu đồng; Tổng vốn</p>		

TT	Tên chủ tịch hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				đầu tư trên 200 đến 500 tỷ đồng: mức thu phí 39 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 500 đến 1.000 tỷ đồng: mức thu phí 44 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.000 đến 1.500 tỷ đồng: mức thu phí 48 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.500 đến 2.000 tỷ đồng: mức thu phí 49 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 2.000 đến 3.000 tỷ đồng: mức thu phí 51 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 3.000 đến 5.000 tỷ đồng: mức thu phí 53 triệu		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	<p>Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án theo mẫu số 07 phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ. - Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giám thiêu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo mẫu số 08 phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận về môi trường Trung tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công chuyên hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường).</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án. <p>Bước 3. Xử lý hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc xem xét, chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến của ít nhất 03 chuyên gia làm cơ sở để UBND 	<p>Không quy định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch Bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch Bảo vệ môi trường - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 25/2019/TT- 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	trình xem xét, quyết định. - Nội dung Báo cáo xem xét, chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt bao gồm: những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo mẫu số 8 phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ. - Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị chấp thuận về môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND tỉnh ban hành Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận với lý do rõ ràng. Bước 3. Trả kết quả: - UBND tỉnh gửi Văn bản đến Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.		BTNNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Qua công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - UBND tỉnh: 3 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 6,5 ngày. 		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch Bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch Bảo vệ môi trường. - Nghị định số 	
3	<p>Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình Bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình Bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị số 40/2019/NĐ-CP; - 07 bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình Bảo 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>Chủ dự án nộp hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình Bảo vệ môi trường của dự án đến Trung tâm Hành chính công.</p> <p>* Cách thức thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ: Nộp qua công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Công dịch vụ công trực tuyến/Tổng tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường).</p>	<p>Không quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch Bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch Bảo vệ môi trường. - Nghị định số 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình Bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>- 01 bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;</p> <p>- 01 văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các</p>	<p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ</p> <p>- Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án.</p> <p>Bước 3. Xử lý hồ sơ:</p> <p>- Việc kiểm tra các công trình Bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án được tiến hành thông qua đoàn kiểm tra do Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập.</p> <p>- Đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và kiểm tra thực tế các công trình Bảo vệ môi trường của dự án. Kết quả kiểm tra các công trình Bảo vệ môi trường của dự án phải được thể hiện dưới hình thức biên bản kiểm tra.</p> <p>- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được xây dựng phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và văn bản chấp thuận cho phép điều chỉnh, thay đổi của cơ quan</p>		<p>40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ Quan trắc môi</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		<p>công trình xử lý chất thải của dự án.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình Bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Trường hợp công trình Bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chưa đáp ứng các yêu cầu, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản đến chủ dự án.</p> <p>Chủ dự án có trách nhiệm khắc phục các vấn đề còn tồn tại đối với công trình Bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường (Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công). Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo đã khắc phục của chủ dự án (sau khi đã kiểm tra thực tế dự án), Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra thực tế việc chủ dự án, cơ sở đã</p>		trường.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>Khắc phục các tồn tại của công trình bảo vệ môi trường.</p> <p>Bước 3. Trả kết quả:</p> <p>- UBND tỉnh gửi Giấy xác nhận hoàn thành công trình Bảo vệ môi trường phục vụ giải đoạn vận hành của dự án đến Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc, không bao gồm thời gian chờ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết):</p> <p>- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;</p> <p>- UBND tỉnh: 4 ngày;</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường: 10,5 ngày.</p>			
4	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>* Hồ sơ đề nghị thẩm định:</p> <p>- Văn bản đề nghị thẩm định, phê</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường</p>	<p>Mức thu phí căn cứ theo:</p> <p>- Khoản 5 Điều 20 Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Luật Khoáng sản năm 2010.</p> <p>- Nghị định số</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>trong khai thác khoáng sản (bảo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)</p>	<p>duyet phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1A ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;</p> <p>- 07 bản thuyết minh phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng phương án cải tạo, phục hồi môi trường</p>	<p>trong khai thác khoáng sản qua Công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường).</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ</p> <p>- Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án.</p> <p>Bước 3. Thẩm định hồ sơ:</p> <p>- Thẩm định hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội đồng thẩm định do UBND tỉnh thành lập. Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường dự thảo Quyết định thành lập hội đồng thẩm định và trình</p>	<p>- Điều 6 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.</p> <p>Cụ thể:</p> <p>Nhóm 5: Là các dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng: mức thu phí 9,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức thu phí 15 triệu đồng; Tổng</p>	<p>19/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>trường;</p> <p>- 01 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>- 01 Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận.</p> <p><i>* Hồ sơ đề nghị phê duyệt:</i></p> <p>+ 01 văn bản đề nghị phê duyệt phương án cải tạo,</p>	<p>Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét quyết định.</p> <p>- Trong quá trình thẩm định, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.</p> <p>- Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp hội đồng thẩm định và thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho chủ dự án.</p> <p>Bước 4. Phê duyệt</p> <p>- Trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án phải hoàn thiện và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính</p>	<p>vốn đầu tư trên 20 đến 50 tỷ đồng: mức thu phí 24 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 50 đến 100 tỷ đồng: mức thu phí 43 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 100 đến 200 tỷ đồng: mức thu phí 47 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 200 đến 500 tỷ đồng: mức thu phí 62 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 500 đến 1.000 tỷ đồng: mức thu phí 69 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 1.000 đến 1.500 tỷ đồng: mức thu phí 75 triệu đồng; Tổng vốn</p>	<p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		<p>phục hồi môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;</p> <p>+ 03 Phương án cải tạo, phục hồi môi trường kèm theo 01 đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu Phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>công) hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường.</p> <p>- Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ và tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5. Trả kết quả:</p> <p>- UBND tỉnh chuyển quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã xác nhận đến Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho chủ dự án; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án và Quý bảo vệ môi trường nơi tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.</p>	<p>đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ đồng: mức thu phí 76,5 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ đồng: mức thu phí 79 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ đồng: mức thu phí 82 triệu đồng.</p>	<p>Quan trắc môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>2. Thời gian giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>* Thời hạn thẩm định:</i> Trong thời hạn 35 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - UBND tỉnh: 5 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 29,5 ngày. <p><i>*Thời hạn phê duyệt:</i> Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - UBND tỉnh: 5 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 9,5 ngày. <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân chính sửa, bổ sung và hoàn chỉnh phương án cải tạo phục hồi môi trường không quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định và không tính vào thời gian thẩm</i></p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	<p>Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần phương án theo mẫu tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; - 07 bản Báo cáo hoàn thành từng phần phương án/phương án bổ sung theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT (Và phụ lục kèm theo báo cáo bao gồm: Các đơn giá, định mức sử dụng; Giấy xác nhận đã nộp tiền ký quỹ; Bản đồ</p>	<p><i>định và phê duyệt.</i></p> <p>1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với khai thác khoáng sản qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Công dịch vụ công trực tuyến/T trung tâm Hành chính công chuyên hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường).</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ - Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án.</p> <p>Bước 3. Xử lý hồ sơ: - Trong thời hạn không quá 9,5</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Luật Khoáng sản năm 2010. - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>không gian trước và sau quá trình cải tạo, phục hồi môi trường; Kết quả giám sát môi trường; Kết quả giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; giám định môi trường).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>ngày làm việc, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra gồm: đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản, các chuyên gia về môi trường, khoáng sản và lĩnh vực liên quan; đại diện cơ quan quản lý môi trường địa phương, Quỹ Bảo vệ môi trường nơi tổ chức, cá nhân ký quỹ. Trường hợp cần thiết, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường mời thêm đơn vị giám sát chất lượng công trình, chất lượng môi trường và một số đơn vị liên quan tham gia đoàn kiểm tra.</p> <p>- Trong quá trình thẩm định, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án; Tổ chức lấy ý kiến các</p>		<p>Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày thành lập đoàn kiểm tra, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra thực địa; kết quả kiểm tra thực địa được thể hiện bằng biên bản kiểm tra.</p> <p>- Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thuê cơ quan có chức năng để đo đạc, lấy mẫu kiểm chứng các thông tin, số liệu trong báo cáo.</p> <p>- Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án.</p> <p>- Trường hợp hàng mục, công</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>trình đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường có chất lượng và khối lượng không phù hợp với phương án, phương án bổ sung đã được phê duyệt thì Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ các vấn đề còn tồn tại để tổ chức, cá nhân khắc phục và hoàn thiện.</p> <p>Bước 4. Trả kết quả:</p> <p>- UBND tỉnh chuyển Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án hoặc văn bản thông báo các vấn đề còn tồn tại đến Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án và Ủy Ban Bảo vệ môi trường nơi tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>* Thời hạn kiểm tra: Trong thời</i></p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - UBND tỉnh: 5 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 14,5 ngày. <p><i>*Thời hạn cấp giấy xác nhận:</i> Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh: 5 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 15 ngày. 			
6	<p>Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch Bảo vệ môi trường</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở theo mẫu số 1 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. - 03 bản kế hoạch 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>Chủ dự án nộp hồ sơ đăng ký kế hoạch Bảo vệ môi trường qua Công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (thông</p>	<p>Không quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch Bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>Bảo vệ môi trường (kèm theo bản điện tử) của dự án, cơ sở theo mẫu số 2 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>- 01 báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>qua Chi cục Bảo vệ môi trường).</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án.</p> <p>Bước 3. Xử lý hồ sơ:</p> <p>- Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, xác nhận đăng ký/dăng ký lại kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở.</p> <p>- Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng một văn bản và nêu lý do (trong đó nêu rõ tất cả các nội dung cần phải bổ sung, hoàn thiện một lần).</p> <p>Bước 4. Trả kết quả:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường gửi kết quả thực hiện đến Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công để trả kết</p>		<p>và kế hoạch Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>qua cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Tài nguyên và Môi trường: 9,5 ngày. 			

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1	<p>Đăng ký xác nhận /đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở theo mẫu số 1 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. - 03 bản kế hoạch Bảo vệ môi trường (kèm theo bản điện tử) của dự án, cơ sở theo mẫu số 2 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>Chủ dự án nộp hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường qua Công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công/Bộ phận một cửa UBND cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Bước 2. Kiểm tra hồ sơ</p> <p>Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ,</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch Bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy 	
---	---	---	---	----------------	---	--

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Kèm theo Nghị số 40/2019/NĐ-CP. - 01 báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	hợp lệ, phải có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Xử lý hồ sơ: - Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, xác nhận đăng ký/dăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở. - Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng một văn bản và nêu lý do (trong đó nêu rõ tất cả các nội dung cần phải bổ sung, hoàn thiện một lần). Bước 4. Trả kết quả: Văn phòng UBND cấp huyện gửi kết quả về Công dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm Hành chính công/Bộ phận một cửa UBND cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 0,5 ngày;		định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- UBND cấp huyện: 9,5 ngày.			

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	B-BTM-264796-TT	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường bỏ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bỏ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Môi trường	UBND tỉnh
2	B-BTM-265041-TT	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Môi trường	UBND tỉnh

3	B-BTM-265042-TT	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Môi trường	UBND cấp tỉnh
4	B-BTM-264788-TT	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (<i>trường hợp Giấy xác nhận hết hạn</i>)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	B-BTM-264789-TT	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (<i>trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng</i>)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	B-BTM-264900-TT	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP	Môi trường	UBND cấp tỉnh

7	B-BTM-264901-TT	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	B-BTM-264781-TT	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Môi trường	UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu công nghiệp (nếu được ủy quyền)
9	B-BTM-264782-TT	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1	BTM-265165	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP	Môi trường	UBND cấp huyện
---	------------	---	----------------------------	------------	----------------

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1	B-BTM-264791-TT	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Môi trường	UBND cấp xã
2	B-BTM-264928-TT	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP	Môi trường	UBND cấp xã
3	B-BTM-264929-TT	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP	Môi trường	UBND cấp xã
4	B-BTM-	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động		Môi	UBND cấp xã

264792-TT	môi trường		trường	
D. Thủ tục hành chính thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp				
1	BTM-265170	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Ban quản lý Khu công nghiệp (nếu được ủy quyền)
		Môi trường		

Tổng số:

- 03 TTHC mới ban hành;
- 07 TTHC sửa đổi, bổ sung;
- 15 TTHC bãi bỏ. *✓*

